CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 30 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						*315 269*	*150 704*	*166 326*			
I		CẢNG CHÍNH						44 702	3 744	42 719			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						*3 765*	*3 744*	*1 782*			
1		KDT CẦU ĐUỐNG	24/05	921/05	31/05	BN 1758	CỤC XÔ 1C	1 000	986	14	29/05	TD	THAY TBGT SỐ 884/05 NGÀY 15/2/2025
2		VINA CARBON	27/05	930/05	31/05	BN 0869	CÁM 1 HG	1 000	997	3	29/05		
3		THAN SÔNG HỒNG	29/05	940/05	31/05	BN 2526	CÁM 4B.1	1 765	1 761	1 765		TD	THAY TBGT SỐ 784 NGÀY 27/04/2025
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						*40 937*		*40 937*			
1		KDT BẮC THÁI	29/04	572/04	30/04	HD 2095	CÁM 1	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	29/04	573/04	30/04	BN 2022	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		KDT BẮC THÁI	29/04	574/03	30/04	BN 1958	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		CROMIT THANH HOÁ	30/04	614/04	29/04	BN 2565	BÙN 3A	1 958		1 958		TD	GIA HẠN L1
5		CROMIT THANH HOÁ	30/04	615/04	29/04	BN 2395	BÙN 3B	1 969		1 969		TD	GIA HẠN L1
6		CP VTT VINACOMIN	02/05	808/05	16/05	BN 0988	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
7		XD CN MỎ	04/05	815/05	19/05	BN 1459	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
8		DVVT QUẢNG NINH	05/05	816/05	20/05	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
9		CP HẰNG HẢI VN	12/05	818-B/05	20/05	BN 2616	BÙN 3B	1 700		1 700		TD	THAY TBGT SỐ 818/05 NGÀY 05/05/2025
10		ĐT TMDV VINACOMIN	06/05	832/05	21/05	BN 2122	CÁM 4B.1	2 000		2 000		TD	
11		THAN SÔNG HỒNG	22/05	834/05	21/05	BN 1858	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
12		DVVT QUẢNG NINH	07/05	841/05	22/05	BN 2228	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
13		CROMIT THANH HOÁ	08/05	843/05	14/05	NĐ 2926	BÙN 3B	1 408		1 408		TD	
14		KDT NINH BÌNH	14/05	878/05	31/05	BN 8519	CÁM 4A.1	3 005		3 005			
15		THAN UÔNG BÍ	14/05	880/05	31/05	BN 1886	BÙN 3B	900		900		TD	THAY TBGT SỐ 860/05 NGÀY 11/05/2025
16		KDT CẦU ĐUỐNG	15/05	884/05	31/05	BN 2056	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
17		KDT BẮC THÁI	15/05	885/05	31/05	BN 1368	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
18		KDT BẮC THÁI	18/05	892/05	31/05	BN 0746	CÁM 1	750		750		TD	THAY TBRT SỐ 572/03 NGÀY 29/04/2025
19		V-TRACO	21/05	914-B/05	31/05	BN 0979	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	Thay TBGT số 914/05 ngày 21/05/2025
20		DVVT QUẢNG NINH	27/05	292/05	31/05	BN 2196	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	THAY TBGT SỐ 816 NGÀY 27/5/2025
21		KDT BẮC THÁI	28/05	932/05	31/05	HD 1818	CÁM 1	1 981		1 981		TD	
22		KDT BẮC THÁI	28/05	933/05	31/05	BN 1158	CÁM 2A.1	1 250		1 250		TD	
23		KDT BẮC THÁI	28/05	934/05	31/05	BN 2033	CÁM 4A.1	1 250		1 250		TD	
24		VTT VINACOMIN	28/05	937/05	31/05	BN 1468	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
25		COALIMEX	29/05	939/05	31/05	BN 1309	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	THAY TBGT SỐ 618/3 NGÀY 09/04/2025
26		CP VĨNH THẮNG	29/05	941/05	31/05	BN 1829	CỤC 5A.1	1 500		1 500		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 30 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
27		KDT NINH BÌNH	29/05	942/05	31/05	BN 2128	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
28		CROMIT THANH HOÁ	29/05	943/05	31/05	HD 2095	CỤC XÔ 1C	1 988		1 988		TD	
29		CROMIT THANH HOÁ	29/05	944/05	31/05	NB 8927	CÁM 4B.1	3 020		3 020		TD	
	Tàu chuyển tải							**181 550**	**118 326**	**63 224**			
	Tàu đang làm hàng							***152 700***	***118 326***	***34 374***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/05	899/05		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	40 700	40 878	- 178	28/05		TTCO: 24.800 - CLM:4.623,71 - CP KDT:5.194 - KVCP:6,260,16
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/05	911/05		SUN GOLD	CÁM 6A.1	43 300	29 749	13 551	DỞ		TTCO:23.298,71 - TTHG:20.000
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/05	912/05		HẢI NAM 82	CÁM 6A.1	48 400	36 540	11 860	DỞ		TTCO:29.900 - TTHG:18.500
4		ĐIỆN DUYÊN HẢI	24/05	920/05		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 5B.14	20 300	11 160	9 140	DỞ		TTHG:10.000 - KDTCP:10.300
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***28 850***		***28 850***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN	26/05	925/05		HẢI NAM 39	CÁM 6A.10	28 850		28 850			KDT CP:8.000 - CLM:10.000 - KVCP:
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**54 185**	**10 503**	**43 682**			
	Tàu đã làm hàng							***11 555***	***10 503***	***1 052***			
1		MIỀN NAM	25/5	1 257	31/5	HOÀNG ANH 39	CÁM 8A	3 000	2 965	35	29/5	TD	
2		Hải Phòng	28/5	1 385	31/5	QN 8265	CÁM 8A	1 973	1 963	10	29/5	TD	
3		COALIMEX	28/5	1 393	31/5	BN 2646	CÁM 8A	1 000	998	2	29/5	TD	
4		CP DVVT QNINH	27/5	1 351	31/5	BN - 1818	CÁM 8A	1 982	1 020	963	dở	TD	
5		CP VT&KD THAN	27/5	1 349	31/5	BN - 2056	CỤC 1A	1 000	980	20	29/5	TD	
6		CP VT THUỶ	26/5	1 294	31/5	BN - 1348	CỤC 1B	950	939	11	29/5	TD	
7		HÀ BẮC	28/5	1 406	31/5	BN - 1991	CÁM 5B.1	1 650	1 639	11	29/5	PT CB	
	Tàu đã làm lệnh							***42 630***		***42 630***			
1		CẦU ĐUỐNG	17/5	854	31/5	BN - 2225	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
2		CP DVVT QNINH	21/5	1 042	31/5	BN - 2339	CÁM 8A	1 900		1 900		TD	
3		CP ĐTTM&DV	21/5	1 051	31/5	BN - 1959	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
4		HÀ NỘI	22/5	1 120	31/5	BN - 2228	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
5		COALIMEX	23/5	1 152	31/5	BN - 1826	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
6		XD CN MỎ	23/5	1164B	31/5	BN - 1883	CỤC 1B	1 250		1 250		TD	
7		COALIMEX	23/5	1 166	31/5	HD - 2099	CÁM 8A	1 979		1 979		TD	
8		SÔNG HỒNG	25/5	1 221	31/5	BN - 2112	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
9		CP HÀNG HẢI VN	26/5	1 302	31/5	BN - 1309	CÁM 8A	904		904		TD	
10		NINH BÌNH	27/5	1 327	31/5	TB - 1382	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
11		CP HÀNG HẢI VN	28/5	1 362	31/5	BN - 1869	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 30 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
12		CP ĐTTM&DV	28/5	1 404	31/5	BN - 2335	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	
13		CP DVVT QNINH	28/5	1 406	31/5	BN - 1809	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
14		CP ĐTTM&DV	28/5	1 407	31/5	BN - 1865	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
15		HÀ BẮC	29/5	1 434	31/5	BN - 2089	CẨM 5B.1	1 940		1 940		PT CB	
16		CP ĐTTM&DV	29/5	1 435	31/5	BN - 1959	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	
17		ĐIỆN PHẢ LẠI	29/5	1 436	31/5	TĐ 01 CHN	CẨM 5B.14	2 380		2 380			
18		CẦU ĐUỐNG	29/5	1 441	31/5	BN - 0567	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
19		CP VT THUỶ	29/5	1 442	31/5	BN - 0979	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
20		CP HẰNG HẢI VN	29/5	1 453	31/5	BN - 1799	CẨM 8A	1 048		1 048		TD	
21		MIỀN BẮC	29/5	1 454	31/5	NB - 2359	CẨM 7B	1 680		1 680		PT CB	
22		COALIMEX	29/5	1 455	31/5	HOÀNG ANH 36	CẨM 7A	3 000		3 000		PT CB	
23		CP ĐTTM&DV	29/5	1 456	31/5	THÀNH AN 45	CỤC 1B	930		930		TD	
24		CP ĐTTM&DV	29/5	1 456	31/5	THÀNH AN 45	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
25		CP VT&KD THAN	29/5	1 457	31/5	BN - 1866	CẨM 8A	1 480		1 480		TD	
26		CP VT&KD THAN	29/5	1 458	31/5	BN - 2388	CẨM 8A	1 520		1 520		TD	
27		CP HẰNG HẢI VN	29/5	1 471	31/5	BN - 2287	CỤC 1B	834		834		TD	
28		COALIMEX	29/5	1 474	31/5	BN - 1386	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
29		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠN	29/5	1 480	31/5	BN - 2005	CẨM 8A	1 540		1 540		TD	
30		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠN	29/5	1 481	31/5	BN - 1296	CẨM 8A	1 250		1 250		TD	
31		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠN	29/5	1 482	31/5	HD - 2214	CẨM 8A	1 595		1 595		TD	
32		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠN	29/5	1 483	31/5	BN - 2339	CẨM 8A	1 900		1 900		TD	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**10 562**	**3 498**	**7 064**			
	Tàu đã làm hàng							***3 500***	***3 498***	***2***			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI		1 310		HN 1809	CẨM 5A.14	3 500	3 498	2			
	Tàu đã làm lệnh							***7 062***		***7 062***			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI		1 310		HN 1809	CẨM 5A.14	3 500		3 500			
2		DVVT QUẢNG NINH		1 428		BN 0746	CẨM 8C	942		942		TD	
3		COALIMEX		1 409		BN 2397	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
4		ĐIỆN PHẢ LẠI		1 405		QN 4080	CẨM 5B.14	1 620		1 620			
IV	**KHO CẢNG KM6**							**19 270**	**9 059**	**10 211**			
	Tàu đã làm hàng							***12 050***	***9 059***	***2 991***			
1		CROMIT THANH HÓA	28/5	1 392	31/5	HUY HOÀNG 38	Cám 6b.1	3 400	3 339	61	29/5	CBPT	
2		KDT MIỀN BẮC	29/5	1 424	31/5	HOÀI SƠN 58	Cám 5b.1	4 850	4 844	6	29/5	CBPT	
3		KDT MIỀN BẮC	29/5	1 423	31/5	HÙNG MẠNH36	Cám 5b.1	3 800	876	2 924	29/5	CBPT	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 30 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm lệnh							***7 220***		***7 220***			
1		VTT VINACOMIN	29/5	1 460	31/5	QN 4456	Bùn 3c	1 500		1 500		TD	
2		THAN MIỀN NAM VINACOMIN	29/5	1 475	31/5	TRẦN GIA 09	Cục 1b	1 920		1 920		TD	
3		XNK THAN VINACOMIN	29/5	1 470	31/5	HẢI ĐĂNG 666	Cám 5b.1	3 800		3 800		CBPT	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**												
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**5 000**	**5 575**	**- 575**			
	Tàu đã làm hàng							***5 000***	***5 575***	***- 575***			
1		LÀO		CLM		VIỆT THUẬN 235-06		5 000	5 575	- 575	28/05		
2		NAM PHI		CLM		MV SAEEN AL AMAN		15 000	2 200	12 800	DỞ		
	Tàu đã làm lệnh												